**BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung tiêu chí** | **Thang**  **đánh giá** | **1** | **2** | **3** | **4** |
| **Điểm**  **/10** | **0 điểm** | **1/2 tổng điểm** | **Trọn điểm** | **Tự đánh giá** |
| **1/ Hình thức** | **1.5** |  |  |  |  |
| Bố cục | 0.5 | Bố cục lộn xộn, sắp xếp không hợp lý | Bố cục còn vài chỗ chưa hợp lý nhưng không nghiêm trọng  lắm. | Hợp lý rõ ràng, dễ theo dõi | 0.5 |
| Hình ảnh, font và cỡ chữ nhất quán | 0.25 | Hình ảnh không rõ ràng, hoặc không ghi nguồn |  | Hình ảnh nhìn rõ ràng, có ghi nguồn | 0.25 |
| Lỗi chính tả | 0.25 | Có nhiều lỗi chính tả (> 3 lỗi) |  | Không có lỗi chính tả, hoặc có ít lỗi chính tả  (<= 3) | 0.25 |
| Cách hành văn | 0.5 | Cách hành văn lủng củng, rời rạc, chắp vá từ nhiều nguồn khác nhau, sao chép  của người khác hoặc dùng google dịch. |  | Cách hành văn trôi chảy, mạch lạc, trình bày ngắn gọn súc tích, rõ ràng dễ hiểu. | 0.5 |
| **3/ Sản phẩm minh hoạ** | **8.5** |  |  |  |  |
| Đặc tả chức năng nhóm thực hiện việc kiểm thử  (SRS) | 0.5 | Không có đầu đủ tài liệu SRS cho phần nhóm kiểm thử |  | Có đầy đủ tài liệu SRS cho phần nhóm kiểm thử | 0.5 |
| Danh sách các câu hỏi đáp (Question &Answer List) | 1.0 | Có dưới 6 câu hỏi/người và trả lời đạt yêu cầu | Có từ 6 câu đến 18 câu hỏi/người và trả lời đạt yêu cầu. | Có trên 18 câu hỏi/người và trả lời đạt yêu cầu | 0.5 |
| Tài liệu Test Plan | 0.5 | Không tạo test plan | Có nhưng chưa trình  bày tốt, thiếu nhiều phần trong test plan | Có tạo test plan theo mẫu và trình bày tốt | 0.25 |
| Tài liệu Test Design cho từng chức năng | 1.0 | Không sử dụng đúng template | Test design viết đúng template nhưng cover dưới 50% trường hợp  cần phải kiểm tra | Test design viết đúng template và cover đủ các trường hợp cần  phải kiểm tra (>85%) | 1.0 |
| Tài liệu Test Case cho từng chức năng | 2.0 | Không sử dụng đúng template hoặc viết số test case dưới 30% tình huống cần kiểm tra hoặc số test case dưới  50 | Test case viết đúng template và số test case từ 30% - 85% tình huống cần kiểm tra hoặc số test case  dưới 300 | Test case viết đúng template và số test case trên 85% tình huống cần kiểm tra và số test case từ 300 trở  lên | 2.0 |
| Checklist review tài liệu test case | 0.5 | Không có checklist |  | Có checklist | 0.5 |
| Tài liệu Defect list | 1.5 | Sử dụng không đúng template hoặc phát hiện dưới 5 lỗi mà không có giải trình về  số lỗi thấp | Sử dụng đúng template, Mô tả đầy đủ về lỗi và có hình ảnh mỉnh hoạ với số  lỗi từ 10 lỗi trở lên | Sử dụng đúng template, Mô tả đầy đủ về lỗi và có hình ảnh mỉnh hoạ với số  lỗi từ 20 lỗi trở lên | 1.0 |
| Tài liệu Test Report | 0.5 | Không thực hiện Test Report theo template viết Test Case |  | Có thực hiện Test Report theo template viết Test Case | 0.5 |
| Có tổng hợp các sản phẩm của từng thành viên thành sản phẩm chung  của nhóm | 1.0 | Không tổng hợp (kết hợp lại thành 1 file cho từng sản phẩm của nhóm) | Tích hợp 1 phần và chưa đầy đủ | Tích hợp đầy đủ sản phẩm của các thành viên | 1.0 |
| **Tổng điểm** | | 8.5 | | | | | |

Bảng tự đánh giá chi tiết thành viên:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **MSSV** | **Họ và Tên** | **Điểm đề xuất** |
| 1 | 51800727 | Nguyễn Minh Thành | 8.5 |
| 2 | 51800682 | Nguyễn Đồng Huy | 8.5 |
| 3 | 51800721 | Trần Quốc Tâm | 8.5 |